

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi.

Phúc đáp Công văn số 1306/TCTL-NN, ngày 18/8/2022 của Tổng cục Thủy lợi về việc lấy ý kiến đối với Nghiên cứu tạo nguồn nước thay thế để cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công- nông nghiệp khu vực ven biển của Bán đảo Cà Mau, sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án gửi kèm, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam có một số góp ý như sau:

1. Sự cần thiết thực hiện nghiên cứu

Vùng Bán đảo Cà Mau là vùng khó khăn về nguồn nước nhất của vùng ĐBSCL, nhất là nước ngọt phục vụ cho sinh hoạt và các nhu cầu khác. Việc nghiên cứu, thực hiện dự án này sẽ tạo ra nguồn nước sạch ổn định, cung cấp đủ cho các nhu cầu phát triển của các địa phương. Do vậy, dự án có ý nghĩa rất thiết thực đối thực tiễn của vùng.

2. Một số vấn đề cần đánh giá chi tiết hơn

- Khai thác nước ngầm: Cần có số liệu điều tra, đánh giá chi tiết hơn về hiện trạng khai thác nước ngầm của vùng, đặc biệt là khai thác nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp, pha loãng phục vụ nuôi tôm... Số liệu khai thác nước ngầm trong báo cáo cũng có sự sai khác: ở Bảng 1 là 397 ngàn m³/ngày, ở Bảng 8 là 1,2 triệu m³/ngày.

- Hình 13: Dự báo xâm nhập mặn năm 2050 cần xem xét đến vận hành của các công trình đã đầu tư, đặc biệt đối với vùng Bán đảo Cà Mau đã có HTTL Cái Lớn – Cái Bé giai đoạn 1, Âu thuyền Ninh Quới, cũng như các cống ven biển An Minh – An Biên. Khi đó, phân bố mặn trong vùng sẽ hoàn toàn khác so với khi chưa có công trình.

- Phần hiện trạng sản xuất nông nghiệp của vùng (hình 27): Hiện trạng sản xuất này chưa sát với thực tế, ví dụ với vùng ven biển An Minh – An Biên đã chuyển đổi sang đất lúa tôm, chuyên tôm, trong báo cáo vẫn thống kê là đất 2 lúa. Cần rà soát kỹ lại các mô hình sản xuất của vùng để tính toán nhu cầu nước cho phù hợp.

- Hình 38: Bản đồ phân vùng tiềm năng chất lượng nước theo giá trị WQI: cần trích dẫn nguồn số liệu. Việc đánh giá chất lượng nước của vùng Nam Cà Mau và vùng ven biển Vĩnh Châu – Bạc Liêu là rất tốt, có thể dùng cho sinh hoạt có phù hợp không? Trong khi, đây là các vùng nước bị nhiễm mặn quanh năm.

- Lưu lượng thiết kế: Tại Tân Hiệp với lưu lượng khoảng $2,7 \text{ m}^3/\text{s}$ và trên sông Cần Thơ tại Cầu Cần Thơ với lưu lượng khoảng $1,1 \text{ m}^3/\text{s}$ và cấp nước cho nuôi thủy sản tại Như Gia khoảng $3,7 \text{ m}^3/\text{s}$. Cần trình bày rõ hơn việc xác định lưu lượng thiết kế này, tổng lượng nước chuyển được trong ngày, dự kiến phân bổ lưu lượng cho từng địa phương thế nào?

- Trong phần tính toán nhu cầu nước của vùng dự án: Tổng lưu lượng cần hiện nay là $6,83 \text{ m}^3/\text{s}$, đến năm 2050 là $8,7 \text{ m}^3/\text{s}$. Như vậy, lưu lượng thiết kế của tuyến ống mới cơ bản đủ dùng cho hiện trạng, trong tương lai sẽ phải mở rộng dự án. Kiến nghị nên thiết kế theo hai giai đoạn: giai đoạn 1 đủ nước cho hiện trạng, giai đoạn 2 sẽ mở rộng dự án. Có như vậy thì mới có dự trữ quỹ đất để xây dựng các hạng mục trong tương lai.

- Khi tính toán ảnh hưởng của việc lấy nước với ranh giới xâm nhập mặn, mực nước... cần đặt trong sơ đồ tổng thể các công trình thủy lợi đã xây dựng và dự kiến xây dựng trong thời gian tới.

- Việc chọn kết cấu hồ chứa: Với điều kiện địa chất vùng ĐBSCL chủ yếu là đất sét, sét pha, trạng thái dẻo đến chảy, việc chọn cao trình đáy hồ, hệ số mái (đang chọn $m = 2-3$) cần xem xét kỹ khả năng ổn định của mái.

- Chọn cao trình đáy hồ quá sâu có thể sẽ bị phèn thấm ngược vào hồ, làm ô nhiễm nguồn nước. Trong thực tế xây dựng một số hồ chứa ở vùng đồng bằng, cần đề xuất thêm các giải pháp chống thấm từ ngoài vào, dẫn đến chi phí xây dựng có thể tăng cao hơn.

- Trong phần tính toán kinh tế: Chi phí vận hành lấy bằng 5% vốn đầu tư là không hợp lý, do đặc thù vận hành hệ thống sẽ tiêu tốn rất nhiều năng lượng (điện). Do vậy, để xác định chính xác chi phí vận hành phải xác định được lượng điện tiêu thụ trong năm, từ đó tính ra được chi phí.

- Khung giá nước theo Thông tư 44/2021/TT-BTC là đối với nước sạch và đã cung cấp đến người dùng. Dự án cần làm rõ là sẽ cung cấp nguồn nước thô hay đã có xử lý, và đã bao gồm hệ thống phân phối đến người dùng chưa.

- Việc chỉ xây dựng đường ống cấp nước cho sinh hoạt sẽ không thể làm ngừng hoàn toàn việc khai thác nước ngầm, do nhu cầu nước cho các ngành khác

vẫn còn (sản xuất, NTTS). Do vậy, việc tính hiệu quả do sụt lún đất cần được đánh giá kỹ hơn, xem thật sự giảm sụt lún đất do dự án mang lại là bao nhiêu.

Trên đây là một số góp ý đối với Nghiên cứu tạo nguồn nước thay thế để cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công- nông nghiệp khu vực ven biển của Bán đảo Cà Mau. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam báo cáo Tổng cục Thủy lợi xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NN&NSNT (TCTL);
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng